

Số: 23 /2018/NQ-HĐND

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 20 tháng 7 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Quy định phân cấp thẩm quyền quản lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU KHÓA VI, KỲ HỌP THỨ TÁM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Xét Tờ trình số 93/TTr-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định về phân cấp thẩm quyền quản lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; Báo cáo thẩm tra số 67/BC-KTNS ngày 13 tháng 7 năm 2018 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về phân cấp thẩm quyền quản lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 18/2009/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định việc phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Khóa VI, Kỳ họp thứ Tám thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 30 tháng 7 năm 2018./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản);
- TTr.Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TTr. HĐND tỉnh, UBND tỉnh, UBMTTQ tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TTr.HĐND và UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- Website HĐND tỉnh;
- Đài PT-TH tỉnh; Báo Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Lưu: VT, (STC), TH.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Lĩnh

QUY ĐỊNH

Phân cấp thẩm quyền quản lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 25/2018/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định việc phân cấp thẩm quyền quản lý tài sản công gồm thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê, thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại và phê duyệt đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; phân cấp thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc tỉnh quản lý; phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động thường xuyên của các cơ quan, tổ chức, đơn vị được quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp.

2. Các nội dung về quản lý, sử dụng tài sản công không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định hiện hành của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, các quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và của Bộ Tài chính.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước.
2. Văn phòng huyện ủy, thị ủy, thành ủy các huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (sau đây gọi là Văn phòng huyện ủy) là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện.
3. Tổ chức chính trị - xã hội.

4. Tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp; tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội (đối với tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp).

5. Đơn vị sự nghiệp công lập.

6. Doanh nghiệp, tổ chức khác có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công, hàng hóa, dịch vụ

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm các loại tài sản công sau đây:

a) Đất, nhà làm việc và tài sản khác gắn liền với đất phục vụ hoạt động quản lý của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội (sau đây gọi chung là Trụ sở làm việc);

b) Đất, nhà làm việc, công trình sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất phục vụ hoạt động quản lý và cung cấp dịch vụ công của đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi chung là Cơ sở hoạt động sự nghiệp);

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm đối với các tài sản công, hàng hóa, dịch vụ sau đây:

a) Xe ô tô và tàu, thuyền các loại;

b) Máy móc, thiết bị, các loại tài sản công khác, hàng hóa, dịch vụ có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc có tổng giá trị dự toán mua sắm từ 01 (một) tỷ đồng trở lên/01 gói thầu (trừ các tài sản công được quy định tại khoản 1, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này).

3. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban ngành, đoàn thể, tổ chức, đơn vị (Ban quản lý dự án chuyên ngành và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh sử dụng nguồn ngân sách nhà nước) và cơ quan cấp tỉnh (sau đây gọi là Thủ trưởng đơn vị dự toán cấp 1); Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện) căn cứ dự toán được cơ quan có thẩm quyền giao và tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định quyết định (trừ tài sản công quy định tại khoản 1, khoản 2 khoản 4 và khoản 5 Điều này):

a) Mua sắm máy móc, thiết bị, các loại tài sản công khác, hàng hóa, dịch vụ cho cơ quan có giá trị dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc có tổng giá trị dự toán mua sắm dưới 01 (một) tỷ đồng/01 gói thầu (trường hợp không có đơn vị trực thuộc);

b) Mua sắm máy móc, thiết bị, các loại tài sản công khác, hàng hóa, dịch vụ cho các đơn vị trực thuộc có giá trị từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc có tổng giá trị dự toán mua sắm từ 100 triệu đồng đến dưới 01 (một) tỷ đồng/01 gói thầu;

c) Riêng đối với việc mua sắm tài sản là máy móc, thiết bị, các loại tài sản công khác, hàng hóa, dịch vụ từ nguồn ngân sách nhà nước phục vụ hoạt động của Văn phòng huyện ủy là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện có giá trị dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc có tổng giá trị dự toán mua sắm dưới 01 (một) tỷ đồng/01 gói thầu do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định.

4. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các đơn vị dự toán cấp 1 và trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn căn cứ dự toán được cơ quan có thẩm quyền giao và tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định quyết định mua sắm máy móc, thiết bị, các loại tài sản công khác, hàng hóa, dịch vụ có giá trị dưới 100 triệu/01 đơn vị tài sản hoặc có tổng giá trị dự toán mua sắm dưới 100 triệu đồng/01 gói thầu (trừ các tài sản công quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 5 Điều này).

5. Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc tự bảo đảm một phần chi thường xuyên quyết định mua sắm tài sản (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp và hoạt động kinh doanh của đơn vị đúng với tiêu chuẩn, định mức, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nhiều nguồn vốn để mua sắm tài sản, trong đó có nguồn ngân sách nhà nước thì thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này.

Điều 4. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định (trừ quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này):

a) Thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp đối với các đơn vị dự toán cấp 1 và Ủy ban nhân dân cấp huyện;

b) Thuê xe ô tô và tàu, thuyền các loại nằm trong tiêu chuẩn định mức;

c) Thuê máy móc, thiết bị và các loại tài sản công khác có mức giá thuê từ 100 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản/năm.

2. Thủ trưởng các đơn vị dự toán cấp 1 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định (trừ tài sản công quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều này):

a) Thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp cho các đơn vị trực thuộc trên cơ sở tiêu chuẩn, định mức và dự toán kinh phí đã được cơ quan có thẩm quyền giao;

b) Thuê máy móc, thiết bị và các loại tài sản công khác phục vụ nhiệm vụ chuyên môn của đơn vị và các đơn vị trực thuộc có mức giá thuê dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản/năm trên cơ sở tiêu chuẩn, định mức và dự toán kinh phí đã được cơ quan có thẩm quyền giao;

c) Riêng đối với việc thuê tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; máy móc, thiết bị và các loại tài sản công khác từ nguồn ngân sách nhà nước phục vụ hoạt động của Văn phòng huyện ủy là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định.

3. Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc tự bảo đảm một phần chi thường xuyên quyết định thuê tài sản (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp và hoạt động kinh doanh của đơn vị đúng với tiêu chuẩn, định mức, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nhiều nguồn vốn để thuê tài sản, trong đó có nguồn ngân sách nhà nước thì thẩm quyền quyết định thuê tài sản thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi các loại tài sản công sau đây:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

b) Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản công đối với các loại tài sản sau đây:

a) Xe ô tô và tàu, thuyền các loại;

b) Máy móc, thiết bị và các loại tài sản công khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản;

c) Máy móc, thiết bị và các loại tài sản công khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của các đơn vị dự toán cấp 1 và Ủy ban nhân dân cấp huyện;

d) Máy móc, thiết bị và các loại tài sản công khác thuộc thẩm quyền thu hồi của Thủ trưởng các đơn vị dự toán cấp 1 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nhưng không thu hồi.

3. Thủ trưởng các đơn vị dự toán cấp 1 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi các loại tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này. Riêng tài sản mua sắm từ ngân sách nhà nước tại Văn phòng huyện ủy là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển các loại tài sản công sau đây:

- a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;
- b) Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản công trong các trường hợp sau đây:

- a) Xe ô tô và tàu, thuyền các loại;
- b) Máy móc, thiết bị và các loại tài sản công khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản;
- c) Tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước (tài sản phục vụ hoạt động của dự án và tài sản là kết quả của dự án không xác định cụ thể đối tượng thụ hưởng trong dự án) đã kết thúc để chuyển giao cho các đơn vị quản lý và sử dụng theo quy định của Nhà nước;
- d) Giữa các đơn vị dự toán cấp 1 theo đề nghị của cơ quan cấp tỉnh có liên quan;
- đ) Từ cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh quản lý sang cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý và ngược lại theo đề nghị của các cơ quan cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan;
- e) Từ cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện này quản lý sang cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện khác quản lý theo đề nghị của các Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan.

3. Thủ trưởng các đơn vị dự toán cấp 1 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển các loại tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này giữa các đơn vị thuộc phạm vi quản lý. Riêng việc điều chuyển tài sản từ Văn phòng huyện ủy là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện sang các cơ quan, đơn vị do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán các loại tài sản công sau đây:

- a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

b) Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản công trong các trường hợp sau đây:

a) Xe ô tô và tàu, thuyền các loại;

b) Máy móc, thiết bị và các loại tài sản công khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản;

c) Tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước (tài sản phục vụ hoạt động của dự án và tài sản là kết quả của dự án không xác định cụ thể đối tượng thụ hưởng trong dự án) đã kết thúc;

3. Thủ trưởng các đơn vị dự toán cấp 1 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán (trừ tài sản công quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 4 và khoản 5 Điều này):

a) Máy móc, thiết bị và các loại tài sản công khác của cơ quan có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (trường hợp không có đơn vị trực thuộc);

b) Máy móc, thiết bị và các loại tài sản công khác của các đơn vị trực thuộc có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản;

c) Riêng việc bán tài sản tại Văn phòng huyện ủy là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định.

4. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các đơn vị dự toán cấp 1 và trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn quyết định bán máy móc, thiết bị và các loại tài sản công khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (trừ tài sản công quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 5 Điều này);

5. Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc tự bảo đảm một phần chi thường xuyên quyết định bán tài sản được hình thành từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn vốn vay, vốn huy động (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô). Trường hợp tài sản được hình thành từ nhiều nguồn vốn, trong đó có nguồn ngân sách nhà nước thì thẩm quyền quyết định bán tài sản thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý các loại tài sản công sau đây:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

b) Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản công trong các trường hợp sau đây:

- a) Xe ô tô và tàu, thuyền các loại;
- b) Máy móc, thiết bị và các loại tài sản công khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản;
- c) Tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước (tài sản phục vụ hoạt động của dự án và tài sản là kết quả của dự án không xác định cụ thể đối tượng thụ hưởng trong dự án) đã kết thúc;

3. Thủ trưởng các đơn vị dự toán cấp 1 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý (trừ tài sản công quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 4 và khoản 5 Điều này):

- a) Máy móc, thiết bị và các loại tài sản công khác của cơ quan có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (trường hợp không có đơn vị trực thuộc);
- b) Máy móc, thiết bị và các loại tài sản công khác của các đơn vị trực thuộc có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản;
- c) Riêng việc thanh lý tài sản tại Văn phòng huyện ủy là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định.

4. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các đơn vị dự toán cấp 1 và trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn quyết định thanh lý máy móc, thiết bị và các loại tài sản công khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (trừ tài sản công quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 5 Điều này).

5. Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc tự bảo đảm một phần chi thường xuyên quyết định thanh lý tài sản được hình thành từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn vốn vay, vốn huy động (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô). Trường hợp tài sản được hình thành từ nhiều nguồn vốn, trong đó có nguồn ngân sách nhà nước thì thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này.

Điều 9. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công

Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công theo phân cấp tại Điều 3 Quy định này quyết định tiêu hủy tài sản. Đối với tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước đã kết thúc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiêu hủy. Riêng tài sản tại Văn phòng huyện ủy là đơn vị dự

toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tiêu hủy.

Điều 10. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công theo phân cấp tại Điều 3 Quy định này quyết định xử lý tài sản. Đối với tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước đã kết thúc và tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý. Riêng tài sản tại Văn phòng huyện ủy là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xử lý.

Điều 11. Thẩm quyền quyết định phê duyệt đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đối với các tài sản được giao cho các đơn vị dự toán cấp 1, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các đơn vị trực thuộc đơn vị dự toán cấp 1 quản lý.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đối với các tài sản được giao cho các đơn vị trực thuộc cấp huyện quản lý.

Điều 12. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản (điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, hủy hoại) phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc tỉnh quản lý

Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản (điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, hủy hoại) phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc tỉnh quản lý.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm thi hành

1. Trách nhiệm của Sở Tài chính:

a) Hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc tổ chức thực hiện Quy định này và quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công;

b) Thẩm định, có ý kiến đối với các nhiệm vụ thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh theo Quy định này và theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công;

c) Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Quy định này tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Trách nhiệm của các Sở, ban ngành, đoàn thể, tổ chức, đơn vị và cơ quan cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

a) Tổ chức triển khai và thực hiện Quy định này tại đơn vị và các đơn vị trực thuộc (nếu có);

b) Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Quy định này tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý;

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công có trách nhiệm thực hiện Quy định này.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.



Nguyễn Hồng Linh